

RIHUM

«CLOCHE d'OR» pour digestif ou avec un Soda

«CLOCHE d'ARGENT» pour Cocktails et Punch

Produit des Sucrieries et Raffineries

de HIỆP-HÒA



Agents exclusifs: DENIS FRÈRES

Tiểu thuyết CUỘC KINH PÉTAIN CÁCH 2 ÔN

TÁC-PHẨM ĐẦU-TIÊN

của NHÀ XUẤT-BẢN «ĐẠI-VIỆT»

Tác-giả: HỒ BIỂU-CHÁNH

là một quyển tiểu-thuyết đã làm lay-động, xôn-xáo trong lòng tiểu-thuyết. Đọc « CUỘC KINH PÉTAIN » các bậc phụ-huynh phải đọc mình, phải xem xét lại tất cả tiểu-thuyết đã có ở gia-đình mình, nhất là phải cần thận trọng sự lựa chọn tiểu-thuyết mà mua.

Tiểu-thuyết in rất mỹ-thuật, dày hơn 160 trang. Giá bán 0 \$ 70

Mua sỉ sách và tiểu-thuyết có huê hồng. Xin thương lượng với: HỒ-VĂN KỶ-TRẦN

Quản-lý Nhà xuất-bản « ĐAI-VIỆT »

5, Rue de Reims — SAIGON

Á-DÔNG TRIẾT-LÝ HIỆP-GIẢI

ĐĂNG-THỨC-LIÊNG

Sơan giả: HỒ-VĂN TRUNG

là một quyển sách có nhiều câu cách ngôn của Thống chế Pétain. Mỗi câu cách ngôn ấy đều có câu triết-lý của bậc Thánh Hiền Á-dông chiếu đối bằng Hán văn, Việt-văn và Pháp-văn.

Lại cũng có lời phụ-giải chung, thật rõ ràng. Sách in khéo, bla đẹp, khổ lớn, giấy tốt.

Giấy thường 1 \$ 50
Giấy tốt 3 \$ 00

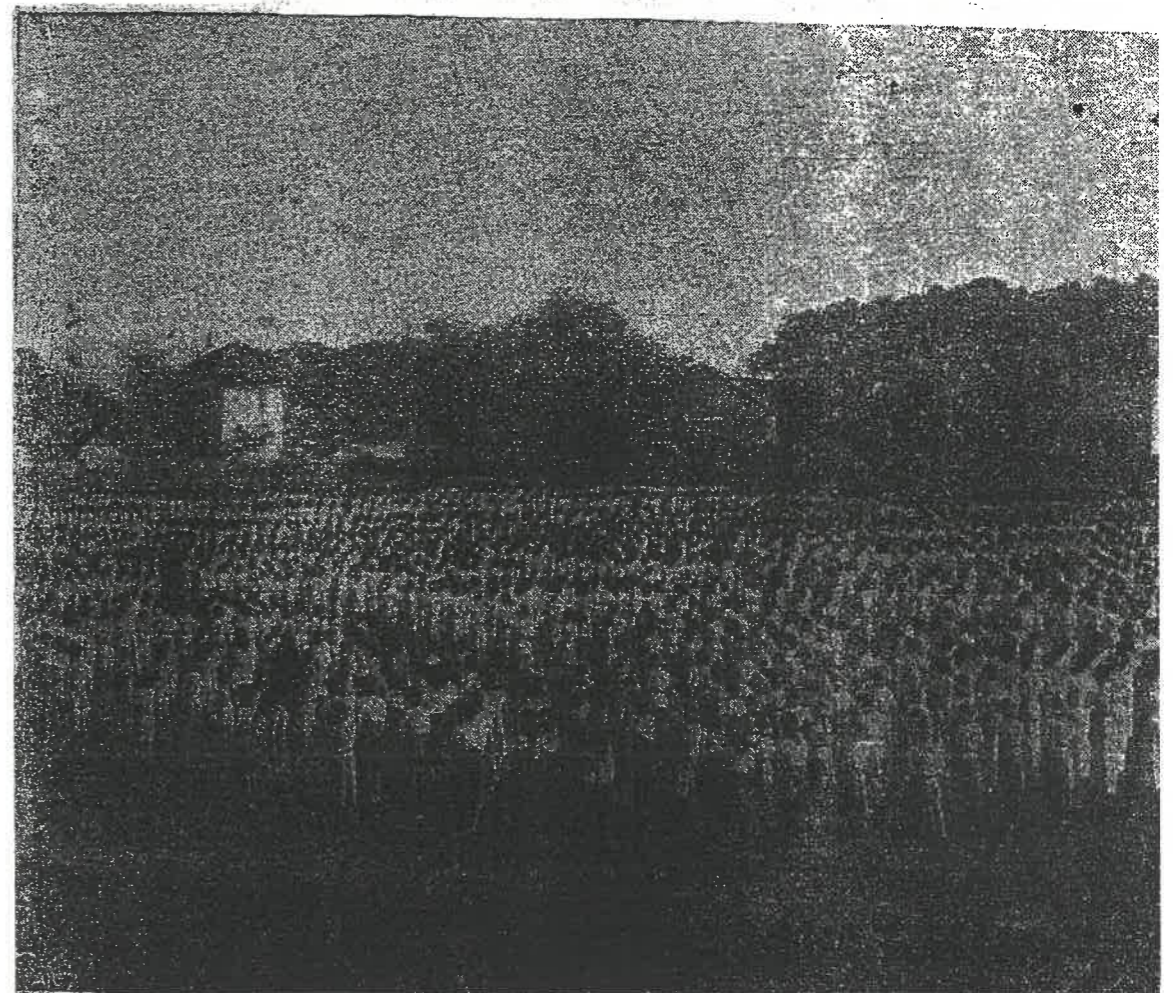
36 32 — GIÁ : 0 \$ 25

NGÀY 22 AVRIL 1942

NAM KỶ

(Autorisé par arrêté du Gouverneur Général N 409-N du 17 Juillet 1942)

Giám-độc: HỒ-VĂN TRUNG



Một trong những cuộc hội họp nam nữ thanh-niên ở các tỉnh trong xứ Nam-kỳ



TA CÓ THỂ LÀM GÌ?

Oi đã nói trong bài trước, đời sống lý-tưởng của phần đông thiên-hạ phải là một đời sống đầy đủ, thông-thả, thanh-cao. Trong ba điều-kiện ấy, sự đầy đủ có thể được coi làm cội-rễ, bởi vì người ta phải đầy-dủ đã, rồi mới nói đến vấn-đề thông-thả, thanh-cao. Sự khôn-khở, mặc dẫu rèn luyện được tánh-tình cứng rắn cho hạng anh-lai, khiến họ đã « già già sọc lại gan gan lì », vẫn làm cho đa số thường-nhơn hóa ra ngày-ngò, đầu-độn, không còn như-cách, đáng mến và đáng trọng nữa.

Vậy nên vấn-đề ấy, theo lẽ, phải được giải quyết trước hết. Nhưng xét kỹ ra, ta sẽ thấy rằng không sao tách nó riêng ra trong một địa-hạt, rồi đứng riêng trong địa-hạt ấy mà giải-quyết

Một thí-đụ : nếu ta là một vị điền-chủ, mỗi năm thâu vào năm ba chục ngàn lúa ruộng. Một người bạn ta than với ta : « Khổ quá ! Minh không phải là kẻ làm ruộng. Nhưng cái đời gì mà làm việc như chết, rồi cuộc thăng nào chỉ hơi vừa đủ thúng nấy mà thôi. Như vậy thì còn thú-vị và thi vị gì nữa trong sự làm việc ? » Nếu ta giàu lòng từ tế, ta sẽ nói với bạn : « Anh chớ lo. Bỏ số đi. Về đây với tôi. Tôi để riêng cho anh một số đất, anh coi chừng công-việc cấy cấy giúp tôi. Cuối năm, số lúa thâu được, chúng ta chia hai ».

Nếu bạn ta không ngại sự giúp đỡ ấy, thì ta đã giải-quyết được vấn-đề sống đầy đủ cho một người. Nhưng đời còn vô số người thiếu thốn, mà ruộng đất của ta lại không được rộng rãi bằng tấm lòng rộng rãi của ta. Sự sống đầy đủ của một đoàn thể phải do sự tổ chức một nền kinh tế quân bình, điều độ. Đó là một vấn đề rất trọng đại, rất phiền phức, có liên quan với nhiều vấn đề trọng đại, phiền phức khác mà ta nên thành thiết nhận rằng hiện nay nó vượt ra ngoài sự có thể làm được của ta.

— Đã vậy, thì còn nói đến thông thả thanh cao sao được ? có người sẽ Lão thể.

Tuy nhiên, ta vẫn nói và làm được. Trong các vua chúa nước Tàu, vua Thuấn là một trong những vị vua như nghĩa, được tôn trọng như bậc thánh. Nhưng Mạnh-Tử có một câu nói đại ý thế này : « Vua Thuấn tuy là bậc thánh, song cũng là người như mình. Minh đây cũng là người, nếu mình chịu làm thì cũng được như vua Thuấn chớ nào kêm gì. » Từ xưa đến nay, bất kỳ ở nước nào, ta vẫn thấy có nhiều người còn nhà hàn-vi, chỉ nhờ ý-chí sắt đá mà trở nên hạng anh hùng danh-sĩ, lập nên sự nghiệp vĩ đại, ảnh hưởng xa rộng đến nhiều quốc.

Vả lại, sự đầy đủ ở đời vẫn là tương đối (relatif), chớ không phải tuyệt đối (absolu). Có kẻ cho rằng đời mình còn thiếu thốn vì chưa sắm được một chiếc xe hơi lộng lẫy. Kẻ khác thì lấy làm đầy đủ với một thân hình mạnh khỏe. Trong khi ở thành thị, biết bao kẻ chạy đuổi theo cuộc vui-hoa hào nhoáng thì biết đâu nơi thôn ố, chẳng có người đặt cao-vọng của mình ở một đối tượng rất tầm thường :

Nhà tranh với tấm lòng vàng,

Lòng quê em chỉ mơ màng thế thôi !

Những bậc hiền-triết đều có những điều như cần rất giản-dị về vật-chất, chính sự giản-dị này đưa thần-trí họ bay bổng lên cõi siêu-việt của tinh-thần.

Vì những lẽ ấy nên sự thiếu-thốn chút-dính về mặt vật-chất không đủ làm mất sự thông thả, thanh-cao của ta. Mọi giây ràng-buộc ở cõi trần có thể cột trói thân-thể ta, nhưng không gì kèm giữ lại nổi tinh-thần ta, từ tưởng ta một khi nó muốn cất cánh vượt lên khỏi cảnh-giới tầm thường trong cuộc đời ở trước. Chỉ tiếc một điều là thời thường người đời hay muốn

(Coi tiếp qua trang 19)



ĂN 43 trước Chúa Jesus giảng sanh, lúc ấy Trung-quốc chiếm cứ Việt-Nam, có người Tô-Định cầm quyền, thống trị dã bạo tàn, lại tham nhũng. Hai chị em bà Trưng dấy binh đánh đuổi Tô Định với câu hát này mà truyền sử cho là cái bằng cờ đầu tiên của văn chương Việt Nam bằng quốc âm :

« Nhiều điều phủ ấy giá gương,

« Người trong một nước thì thương nhau cùng

« Trên đời muốn việc của chung,

« Hơn nhau một tiếng anh hùng mà thôi ».

Mà về phương diện trí thức, lại có một điều này thiết là kỳ.

Từ thế kỷ thứ nhì trước Chúa Jesus giảng sanh cho tới thế kỷ thứ 10 sau C. J.G.S., trừ ra một vài khoản vẫn với được độc lập mà thôi, nước Việt Nam luôn luôn ở dưới quyền

QUỐC-GIA CÁCH-MẠNG

và

ĐÔNG - PHÁP VĂN - HÓA

chế trị của Trung quốc, hề có gặp được quan Thái Thú Tàu nào lo đem kinh sử của Tàu mà giáo hoá như dân, như Sĩ Nhiếp lúc cuối thế

(DỊCH BÀI DIỄN VĂN CỦA ĐÔNG NGUYỄN - TIẾN - LĂNG) (Tiếp theo)

kỷ thứ nhì và đầu thế kỷ thứ ba, thì Việt Nam biết ơn biết nghĩa, bởi vậy văn hoá Việt Nam biểu lộ một thể với văn hoá Trung hoa. Đến Phật giáo cũng tự bên Trung quốc truyền qua và những nho gia thì sĩ đầu tiên có tên nêu trong sử đều là những môn đồ của Phật giáo có lẽ sang qua đây hồi đời nhà Tùy (từ thế kỷ thứ 6 tới thứ 7) và như là trong lúc Việt Nam tự trị, như đời nhà Lý (từ thế kỷ thứ 11 tới 13), nhà Trần (từ thế kỷ thứ 13 tới 15), nhà Lê (từ thế kỷ thứ 15 tới 18) thì văn chương Trung quốc càng nảy nở và thanh phát, lại triều đình lấy kinh sử của Tàu làm gốc để thi mà thử sĩ.

Tuy vậy mà văn-hóa ấy vẫn có cái tinh hoa Việt-Nam đặc biệt. Dùng chữ Tàu mà viết văn nhưng mà câu văn thì biểu lộ tâm hồn Việt-Nam, nguyện vọng Việt Nam. Đây, như bài thi

từ tuyệt này của Lý-thường-Kiệt làm hồi năm 1.076. lúc người cầm binh Annam đánh với binh nhà Tống, bài thi ấy tuy làm bằng chữ Tàu, mà người Annam ai ai cũng thuộc lòng : « Nam quốc sơn hà Nam đế cư, « Tiệt nhiên định phận tại thiên thư, « Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm, « Như đẳng hành khan thủ bại lui ».

Vì đã ngâm bài thi của Lý-thường-Kiệt, tôi chẳng khỏi để ý muốn nói riêng nơi đây mà nhắc cho các ngài nhớ bài Đăng-dân-cung của Đại-nam hiện thời, bài hát mà Châu - phủ phục-hưng Đông-Pháp, Chánh-phủ quốc - gia cách-mạng, góp với bài hát của Các-tiên và Lèo in thành một quyển sách có quốc kỳ của mấy nước Liên-bang Đông-Pháp phụ theo là

cờ lam-tái của Đại-Pháp đó—bài Đăng-dân cung của triều Đại-nam trong mấy câu đầu thì có nhắc lại « Thiên thư » của Lý-thường-Kiệt đã nói đó. Tôi chặc các ngài nhớ bài

ấy khởi đầu như vậy :

« Kia... nút vàng bề bạc,

« Có sách trời, sách trời định phận.

« Một đồng ta

« Gây non sống vững chắc ».

Bây giờ chúng ta trở lại những bài văn, những tác phẩm của Annam viết ra bằng chữ Tàu, song nghĩa lý nồng nàn niềm ái quốc, chan chứa ý Việt Nam. Người Annam ai cũng nhớ bài hịch của Trần-quốc-Tuấn kêu là Trần-hưng-Đạo, người đánh đuổi quân Mông cổ, đứng anh hùng có đến thờ tại Kiếp Bạc mà mới đây quan Thủy-sư Đô-đốc Jean Decoux Tổng-Thống Toàn-Quyền Đông-Pháp, vì chủ hượng Quốc-gia cách mạng trong khốn khổ Pháp-quốc hải ngoại, nên có đến dự lễ cúng bái năm. Bài hịch ấy truyền cho các tướng sĩ là một bài tự trong quyển binh thư của Trần-hưng-Đạo. Bài ấy chan chứa hơi ưu thế máu thời, biểu lộ lòng ái dân ái quốc. Bài ấy dài quá, không thể đọc cho hết được. Vậy tôi xin trích ra một ít câu như vậy :

« Nay gặp buổi trong thời nhiều loạn
 « Ta cùng người đương đoạn gián truân.
 « Nghĩ đến sự vầy vô xấu hổ,
 « Ngờ quên án đêm ngủ không an.
 « Vô mình thôn thục canh tân,
 « Chanh đầu khúc dạ, chấy rân giọt châu.
 « Ăn gan ấy mới hầu thoả dạ,
 « Uống huyết kia mới hả giận này.
 « Vì dầu gan nát óc lầy,
 « Cho rằng da ngựa bọc thây cũng đành ».

Với những bài văn như vậy—dẫu dịch không trọn ý đi nữa—cũng đủ chứng tỏ chương của chúng ta dẫu viết bằng chữ Tàu cũng có thể làm cho người ta nghe được những tiếng thôn oàn của Việt Nam, tiếng thôn oàn rất nồng nàn.

Cũng vậy, cách vài thế kỷ sau, còn có thêm bài Bình Ngô đại cáo của nhà văn Nguyễn Trãi làm, ấy là bài bịch của Lê Thái Tổ (Lê Lợi), người thi tổ nhà Lê, sau khi đánh đuổi bình tâu.

Ấy vậy tâm hồn Việt Nam tự nhiên có sẵn; văn chương Việt Nam viết bằng chữ Tàu đã chứng nhận rõ ràng, mà sự học chữ Tàu ấy không có ảnh hưởng, không có giúp gây tâm hồn cho Việt Nam học giới. Những nhà danh nho, từ xưa cho tới thời đại gần đây, dường như họ ai nấy không muốn dùng quốc âm mà viết văn. Họ viết thì họ cao lời, họ tuyên bố rằng viết để tiêu thị giờ, để giải muộn. Thậm chí Nguyễn-Du, tác giả truyện Kim-Vân-Kiều, mà trước khi dứt chuyện cũng còn viết mấy câu:

« Lời quê góp nhặt đồng đai
 « Mua vui cũng được một vài trống canh ».

Hồi trước người ta tưởng viết văn câu phải viết văn Tàu mới thành văn chương được, phải viết thứ văn từ xưa đã dùng mà truyền bá đạo lý để trị nước.

Muốn viết tiếng của nước nhà ra chữ, thì người ta phải mượn chữ Tàu mà nôm ra, gọi là chữ nôm. Chữ nôm phiên phức, khó thông dụng, bởi vì phải ráp 2 chữ hoặc 2 họ, một bộ để chỉ nghĩa, một bộ để lấy giọng, thành thử mỗi người viết một cách, tùy ý mình liệu.

Nếu danh nho nào có tri ý canh tân, muốn dùng tiếng mẹ đẻ mà viết văn, thì quần chúng không hiểu tri ý ấy nên không hoan nghinh, rồi công phu của họ không tiếp tục được.

Kìa như vua Gia-Long đã có truyền lệnh phải dạy tiếng Annam và dạy chữ nôm và trong mấy khoa thi được dùng thứ chữ ấy. Ngài lại muốn làm gương trọng nước, nên nhiều sắc dụ

ngài thường dạy làm bằng chữ nôm, cho tới mấy bài văn lễ tưởng si hay là diếu người bạn thiết của ngài, là đức Giám-mục Bá-đa-Lộc, cũng làm bằng chữ nôm. Mà qua đời vua Minh-Mạng, kế nghiệp cho vua Gia-Long, thì chữ Tàu được thông dụng trở lại, còn chữ nôm thì không được dùng làm đơn trạng hay sắc dụ nữa.

Tuy vậy mà văn Annam làm bằng tiếng Annam bao giờ cũng được thông dụng trong dân gian.

Hạng bình dân thường dùng tiếng mẹ đẻ mà đặt ca dao, đặt thơ tuồng, nhờ vậy nên văn Annam tự nhiên nảy nở mà biểu lộ tâm hồn của chúng ta. Những danh nho, những vương đế như Lê thành Tổ, những sĩ phu như Hàn-Thuyên và các môn đệ của ngài, mới bắt đầu viết văn bằng tiếng mẹ đẻ hồi thế kỷ thứ 13, do theo lịch sử truyền lại thì kể từ lúc ấy mới có mà thôi. Qua đến đời Hậu Lê, hồi thế kỷ thứ 17, và từ đó cho đến thời bây giờ, thì những tác phẩm về văn-chương viết bằng tiếng Annam mới nảy sanh ra nhiều và trong những tác phẩm ấy có truyện Kiều của Nguyễn-Du với truyện Hoa-Tiên của Nguyễn-huy-Tự và Nguyễn-Thiểm được làm vinh diệu cho quốc-văn lâm vậy.

Người ta đã dành phần cho nước Pháp trừ khử cái ách hưởng văn hoá Trung-hoa nơi đất Việt. Người ta đã dành phần cho nước Pháp tiếp giúp người Nam tự biết mình, trao cho văn-chương Việt Nam những khi cụ thể phát triển thêm nữa và những chủ nghĩa về tri ý mới, lại cũng trao cho xã hội Việt Nam một phương pháp để văn hoá, phần động hầu những chỗ làm lạc của văn hoá Tàu và diu dắt người Nam đến chỗ Đông Tây điều hoà.

(Còn nữa)



Agent exclusif : Ets BOY-LANDRY

THANH-NIÊN HOẠT-ĐỘNG

TRẠI THANH-NIÊN



TRONG mấy dịp nghỉ hè vừa qua, Tổng hội sinh viên trường Đại-học Hà-nội có tổ-chức hai trại thanh-niên ở Bắc và Trung, được nhiều học sinh đến dự và các bậc đàn anh tán thành.

Cho nên kỳ nghỉ hè sắp tới đây, hội định tổ chức ở Nam kỳ một trại thanh niên. Ý định ấy được Tổng ủy viên thể thao và thanh niên Đông-Pháp khuyến khích, cho nên hội đang gọi xin phép quan Thống đốc Nam kỳ để lập trại. Trong lúc chờ lệnh quan Thống đốc ban cho, tôi xin đem trình bày với các bậc đàn anh và các bạn thanh-niên ở Nam kỳ mục đích và ý nghĩa cuộc lập trại ấy.

Trại lập trong một thán nơi thôn quê, ở một chỗ vừa tiện việc sinh hoạt và sự giao thông, hợp thanh niên học sinh các trường công tư và sinh viên Nam kỳ học ở Hà-nội. Trại có hai mục đích: cho các bạn học sinh hưởng một thán nghỉ hè vừa vui vẻ vừa lợi ích, cho thanh niên một dịp để giúp ích đồng bào ở thôn quê.

Phần đông, các học-sinh ta, sau một năm làm việc siêng năng ở trường, đến kỳ nghỉ hè, thì chỉ quanh quẩn bên nhà, ngoài sự sống chung với gia-đình thì không có làm được gì nữa. Có nhiều bạn khi gần bãi trường thì định dùng thời giờ nghỉ ấy để luyện tập thân thể, tinh thần hay học hỏi thêm. Nhưng đến khi muốn lép vượt thì thiếu bạn bè để đọc sức nhau, cho nên thường bỏ dở nửa chừng. Còn muốn đọc sách hay bàn luận về ý kiến gì, thì vì thiếu sách hay, thiếu bạn đồng tâm ý, các bạn cũng không thiết hành được ý định mình nữa... Ở trường đã bị học hành ràng buộc, thì cứ ám-ảnh, đến lúc nghỉ, lại thiếu điều kiện cần thiết, cho nên chỉ ham học hỏi, bàn luận, tánh ưa hoạt động của tuổi thanh-niên lần lần phải hết đi. Đó là một điều đáng tiếc, mà chắc các bạn thanh-niên đã nhận thấy nhiều lần rồi.

Lập trại thanh niên, hợp các học sinh lại, cốt là để giúp cho mỗi bạn một ít điều kiện để thực hành cái ý định của mình vậy. Sống chung với nhau như anh em một nhà, đọc sức

nhau để cùng chí mà làm việc, đó là một điều mà các bạn thanh niên ai cũng ước mong vậy.

Sống ở trại chung với nhau, các bạn có dịp để luyện tập tinh thần đoàn thể, mỗi người sẽ coi người khác như là bạn mình, không phân biệt giai cấp giàu nghèo, không chia rẽ trường tư trường công, và cả lấy họ hợp thành một khối. Các bạn sẽ quen giúp đỡ lẫn nhau, tin cậy lẫn nhau, và hiệp sức với nhau, đó là những điều kiện cần thiết để cho các bạn trở nên những người có ích cho xã hội sau này.

Sống ở đồng-bái, gần đóm dân quê, các bạn sẽ hiểu rõ thêm về cuộc đời kiêu nhân và khổ cực của một hạng người rất đáng kính trọng. Thiếu óc quan sát, óc thực tế, là một điều tệ của phần đông học sinh ta, chỉ vì ta mãi mãi sống rọi trường với chồng sách vở, không để tâm lo nghĩ đến một việc gì khác nữa. Nhưng ta phải nhận rằng chúng ta học để sau này ra sống ở đời, và vì thế không những ta phải học tập mà thôi, ta còn phải biết những điều thường thức quen làm việc bằng tay chân, quen nhìn hiểu cuộc đời. Ở trại các bạn sẽ có dịp nhúng tay vào những việc hơi khó nhọc có dịp để cho trí bạn dụng chạm với sự thật và nhờ thế các bạn sẽ có thêm chút óc thực tế.

Còn những điều khác mà các bạn không có thì giờ để tâm đến nhiều khi học ở trường, như lịch sử, địa dư, quốc văn, thì đến trại các bạn sẽ học thêm. Dự những buổi nói chuyện về lịch sử, địa dư, đọc những sách có ích, các bạn sẽ nhớ đó mà mở rộng sự hiểu biết thêm. Ở trại, các bạn sẽ đi viếng các đền mộ của những danh nhân, đó cũng là một cách gọi nơi lòng những tình cảm tốt đẹp.

Những điều vừa kể trên là nói về phương diện cá nhân, nhưng trại còn có một đích thứ nhì là giúp ích cho xã hội.

Phần đông thanh niên ta, ngoài sự học hành nơi trường hay làm việc ở công sở, không có dịp chỉ để giúp ích cho xã hội. Tuy biết rằng chúng ta chưa có đủ tài sức, nhưng đã là thanh niên thì ai lại không mang nơi lòng một hoài bão thiết tha, muốn đem đời mình giúp ích cho đồng-bào. Những hoài bão ấy, đã nhiên người có, khi còn ở nơi trường, hay

(Coi tiếp qua trang 9)



TRONG các nước văn-minh, nghệ thuật đã hoàn-toàn rực rỡ, nên nghệ hát xướng người ta chia ra nhiều điệu phân biệt nhau. Bên nước Pháp, nghệ hát xướng có ba điệu chánh:

1. *Opéra*, điệu này hát luôn luôn, không có lời nói thường, mà lại có âm nhạc đưa hơi theo câu hát.

2. *Opéra-comique* hay là *Opérette*, điệu này pha lộn có lớp hát và đờn, lại có lớp nói thường.

3. *Comédie*, điệu này chỉ nói thường mà thôi, chớ không có hát.

Khi điệu hát cải lương mới ra đời, chúng tôi có bàn với mấy bạn đồng chí về sự nương theo ba điệu của Pháp mà làm gốc để duy tân cho kịch trường xứ ta. Có nhiều bạn hiệp ý với chúng tôi mà cho là được, tình sắp điệu hát bội theo điệu *opéra*, điệu hát cải lương

họ tưởng chúng tôi tính làm cho cạn cái nguồn lợi của họ, nên họ xâm xỉ kịch hát, có người vô tận hưởng sấm tuồng mà bảm dọa có đảo tãi từ của chúng tôi, làm cho chúng tôi phải đổi dãi lại một cách xứng đáng với cử chỉ thấp hèn ấy.

Tuy vậy mà đêm hát của chúng tôi cũng kết-quả mỹ-mãn, làm cho chúng tôi và các bạn đồng-chi đều hài lòng, và đều tin chắc nơi đường tương-lai của điệu hát-kịch.

Ấy vậy hơn 20 năm nay trong Nam-kỳ đã có 3 điệu hát phân biệt rõ ràng: 1. hát hát kịch (nói thường), 2. hát cải lương, 3. hát bội. Chúng tôi tưởng chỉ sợ sự tấn hay thoái của mỗi điệu ra đây không phải là việc vô ích.

Hài-kịch.— Năm 1935 ông Claude Bourrin có lập hội « Les Amis de l'Art » và dịch nhiều tuồng hát kịch của Molière ra quốc văn cho hội viên diễn. Ông lại có mở cuộc thi để chọn

CHẤN-CHỈNH KỊCH-TRƯỜNG

- II -

theo điệu *opéra-comique* hay là *opérette* và điệu hát-kịch của chúng tôi khởi xướng từ năm 1917 đó theo điệu *comédie*.

Trong 3 năm đầu, từ 1919 tới 1922, điệu hát cải-lương lần lần tấn bộ và có nhiều người ra lập gánh thêm nữa. Chúng tôi không tham dự đến điệu hát này, mà cũng không để ý đến sự cạnh tranh của cải-lương và hát-hội. Chúng tôi chỉ lo cho điệu hát-kịch là điệu — theo con mắt chúng tôi — có tinh thần, có nghệ thuật và có thể cảm người nhiều. Vì vậy nên đầu năm 1922 Chánh-phủ mở cuộc quốc-trại để làm đường xe lửa Vĩnh — Đông-hà, anh em đồng-chi khuyên chúng tôi viết hai tuồng hát kịch 1. « *Tình anh em* » 2. « *Toại chí bình sanh* », rồi ngày 4 Mars 1922 đem ra diễn tại nhà hát Tây Saigon. Quân ban về phần chúng tôi, còn giúp diễn thì có qui ông Nguyễn chánh Sắt, Nguyễn văn Hương, Lê quang Nhơn, Lê bá Quát, Mme Ngô hoàng Du — MM. Dương văn Lợi, Nguyễn văn Kinh, Ng. trọng Đạm, Trần bá Yến và Lê toản Hích. Việc của chúng tôi làm chỉ có cái mục đích khai thông kịch nghệ cho quê hương mà thôi, mà nào bầu gánh hát bội, nào thầy tuồng cải lương,

tuồng hay mà diễn. Hội có diễn tại Saigon và nhiều tỉnh để truyền bá điệu hát này.

Tiệc thay cuộc thi tuồng hát không được kết quả đẹp đẽ, rồi kể ông Claude Bourrin phải ra Hắc, nên hội « Les Amis de l'Art » không hoạt động được.

Chúng tôi nhận thấy trong mấy kịch đoàn cải lương hiện thời có nhiều kịch sĩ diễn hát kịch xuất sắc. Nếu có ai xướng ra lập một gánh hát hát kịch đặt tuồng cho đúng đắn, rồi qui tụ những kịch sĩ do lại mà diễn, thì kịch trường của chúng ta về vang không biết chừng nào.

Cải lương.— Trong 20 năm nay những gánh hát cải lương nổi lên nhiều lắm. Về phần lương thì thiệt là về vang.

Còn về phần phẩm thì chúng tôi nhận thấy cũng tấn bộ rất xa. Nghệ-thuật của nhiều nam nữ kịch-sĩ hiện thời đã lên cao với vọi. Những người ấy lên sân-khấu mà diễn tuồng, tuy điệu nghệ khác hơn điệu nghệ của đào kép hát bội, song họ cũng có cái tinh thần, cũng có cái hay riêng của họ, chẳng thua gì kịch sĩ hát bội. Còn về thể thức ca xướng thì lúc trước tuồng đặt ca nhiều, lại ca lâu qua, làm cho mấy lớp cụp, kịch sĩ mặc cả, nên làm người về cụp lại một người ca dài quá làm cho mấy người làm tuồng cụp phải

ngồi ngo ngào. Bây giờ bớt ca để cho kịch sĩ làm màu, lại ca văn và nhiều người tiếp nhau đối đáp, nên tránh khỏi cái lằng, cái nguôi hời trước. Đã vậy mà bây giờ âm nhạc lại phải nương theo kịch sĩ, đó là cái tốt nhất, bởi vì có vậy thì kịch sĩ, mới có thể làm màu được.

Chúng tôi chỉ tiếc có một điều là tuồng hát cải lương phần nhiều đã không đúng với thể thức kịch nghệ, mà lại còn có tánh chất bại hoại luân thường, xô đẩy quần chúng vào đường bất lương bất chánh, Vì muốn phần động cùng cái chủ hướng lầm lạc mà hiếm nghèo ấy, hiếm nghèo cho phong-hóa của chúng-tộc, cho tương lai của nước nhà, nên chúng tôi từ nhỏ đã cảm nhiệm và yêu qui điệu nghệ hát bội, lại cải lương kịch trường của nước nhà thì chúng tôi xa hương về điệu hát kịch, nhưng mà hiện thời chúng tôi phải viết vài vở tuồng cải lương rồi giao cho kịch sĩ có tài đem ra mà diễn, chủ tâm muốn cho nam nữ đồng bào được thấy điệu hát cải lương cũng có cái hay, cái cao, cái đẹp, cũng có chỗ vui, chỗ buồn, chỗ cảm, không thua hai điệu hát kia.

Chủ hướng của chúng tôi là nâng cao nghệ thuật kịch trường, mục đích của chúng tôi là bảo tồn luân lý cổ hữu, chớ chẳng phải tính so tài hay là tranh lợi, là những tri ý thấp hèn chẳng hề nó có phương phát trong óc chúng tôi bao giờ. Chúng tôi chẳng ước mong đến chỉ hơn là được thấy các nhà văn viết tuồng cho mấy cải lương kịch đoàn hiện thời đâu cần đầu lung với chúng tôi mà chấn chỉnh điện hát cải lương cho hoàn toàn, thành điệu *opéra-comique* xứng đáng.

Hát bội.— Chúng tôi đã có nói điệu hát bội của chúng ta có cái quá văn rất rực rỡ, và nghệ thuật của đào kép hát bội hồi trước thiệt là thâm thúy, phải học tập nhiều năm và phải có thiên tư thì mới nên được. Thi mà trong 20 năm nay, nghệ thuật của điệu hát cải lương tấn bộ bao nhiêu, thì nghệ thuật của điệu hát bội tại suy bại bấy nhiêu, suy bại đến nỗi công chúng trước kia say mê mà sau này lại khinh khi ngạo bân. Tại sao vậy?

Có lẽ các bạn cũng nhận thấy như chúng tôi, sự suy bại của điệu hát bội bởi mấy cơ này mà ra: 1. Tuồng xưa không hát nữa, lại bày diễn những tuồng này, dựa theo truyền kiểm-hiệp hoặc tuồng hát bóng mà đặt nên không thêm trầm cụp lạp, không chỉnh phục, không cảm động tâm hồn của khán-giả nữa; 2. lớp lang không sửa đổi cho gọn gàng, để kéo nhay cả giờ mà không có chỗ cụp, làm cho khán-giả chán nản; 3. câu hát đặt tầm rườm rà, không nghĩa lý mà cũng không văn-chươg, làm cho khán-giả nghe mà bực

lúc hoặc mắc cỡ; 4. điệu bộ cử kỳ quặc mà không hiệp với trí ý của người này nữa; 5. đào kép hát bội bây giờ không có tâm hồn nghệ sĩ, không hiểu nghệ thuật, diễn tuồng mà không biết tư cách của người mình thủ vai tuồng, và phần nhiều múa men và nó lối lại bắt chước theo điệu cải-lương cho dễ, nên làm mất hết điệu bộ của hát bội.

Mấy lối tệ ấy chúng tôi đờm thấy đã lâu, chúng tôi muốn sửa đổi cho điệu hát bội tấn bộ theo điệu cải lương, nên năm 1926 chúng tôi viết ra bốn tuồng hát bội đề tựa là « *Thanh Lệ kỳ duyên* » tuồng phần làm 14 màn, hát tiếp 2 đêm, mỗi đêm 7 màn. Tuồng sắp lớp lang theo thể thức mới, mỗi lớp đều có chỗ cụp, chớ không nhay, tuy có nói lối, thần oản, hát nam, hát khách như xưa, song câu nào khán giả cũng hiểu được hết. Cách 10 năm trước chúng tôi có cho một gánh hát bội ở Lục tỉnh diễn thử tại đầu thì công chúng đã không chê mà lại thích lắm. Vì tuồng thì dễ cho người ta hát chớ không phải để cho người ta đọc, bởi vậy chúng tôi không tính xuất bản. Múa đào kép hát bội phần nhiều không biết chữ, đâu có in tuồng đi nữa, sợ họ cũng không học được. Muốn canh tân điệu hát bội thì phải lập một gánh hát riêng, đặt tuồng mới hoặc chỉnh chỉnh tuồng xưa lại cho thể thức thích hiệp với trí ý người đời nay, rồi dạy đào kép học thuộc tuồng mà hát, chớ không được làm bậy, làm hư vậy mới kết quả được.

Cụ Lê phát Vĩnh là một người ái mộ điệu hát bội, cụ muốn chấn hưng điệu ấy, nên bỏ tiền ra mà lập « *Kim Thành Bao* », qui tụ đào kép có danh mà hát. Theo lẽ thì Kim Thành Bao phải trường tồn tấn phát, nhưng mà ra đời có một năm rưỡi rồi vắng tiếng, ấy là tại cụ Lê lo sửa từ câu hát, chớ không sửa lớp lang của tuồng, cải nháy, cải quẻ văn câu thoại, thì tự nhiên không thể chấn phục khán giả được.

Ấy vậy, muốn chấn hưng điệu hát bội, cần phải sửa lớp lang cho gọn gàng, cho cụp lạp, phải sửa câu hát cho thông thường song có đây ý vị, phải đổi điệu bộ của đào kép, sấm tranh cướn và y - phục cho hiệp với thời của tuồng, phải dạy đào kép cho có tinh thần khi lên sân khấu, như là cho có tâm-hồn kịch sĩ, có như vậy thì hát bội mới hay được, mới làm cho người đời nay say mê được.

Kịch-trường có ảnh hưởng về phong hóa của nước nhà nhiều lắm. Vậy bực trí thức Việt-Nam chẳng nên làm lơ, phải lưu tâm về sự chấn chỉnh ba điệu hát mà chúng tôi đã kể trước kia, chấn chỉnh và phát triển cho cả ba điệu một lượt, dựng xây nên cho nghệ thuật ca kịch của nước nhà đứng đầu đất nước chúng vào đường quang minh chánh trực.

BIỂU-CHANG



ANG hôm sau chúng tôi đi viếng làng Vọng-thê. Được nghe rằng tại đây có nhiều cổ tích của người Miên, nay đã đến tận nơi thì thật chúng tôi không tiếc công vì tánh hiếu kỳ được trọn phần thỏa mãn.

Nhà việc làng Vọng thê cất trên một cái gò cao hơn hai thước tây. Gò ấy là nền cũ của một ngôi chùa Miên. Biết chắc như vậy là vì khi ban đất ra để xây nhà việc người ta có đào được nhiều viên gạch xưa bề dài độ bốn tấc tây, bề ngang hai tấc và bề dày hơn một tấc. Những viên gạch ấy có màu hồng dợt và cứng chắc.

Người ta gọi pho tượng đá ấy là «Phật», nhưng theo thiên kiến của chúng tôi thì đó chỉ là tượng của một vị vương hay một vị hoàng tử Ấn-độ nào đã qui y cửa Phật. Chúng tôi nói Ấn-độ là vì giữa trán có chạm nổi một cái đầu tròn và phía sau lưng tượng có bảy cái đầu rắn cũng bằng đá chạm nổi, dính nhau.

và phủ tràn đến khỏi đầu pho tượng. Những vẻ đặc biệt ấy ta thường thấy ở các hình thờ trong đền chùa của người Ấn-độ và trong sách nói về tôn-giáo nước Thiên-trúc. Ngoài ra về hình thể thì tượng này khác hẳn với những tượng Phật mà chúng tôi được thấy trong các chùa của người Việt-Nam và người Miên.

Ngày nay không còn dư thừa thứ gạch đó. Khi chúng tôi đến nơi còn được thấy nhiều viên gạch xưa kia ngổn ngang bỏ trước sân nhà việc và dùng lót đường hoặc ghép quanh mấy gốc kiền, kê chừa mấy chậu bông. Nhưng cái bằng chứng chắc chắn cho cái thuyết trên là một pho tượng bằng đá có bốn tay cũng đào được tại chỗ đó. Hiện nay pho tượng ấy được thờ trong một ngôi chùa của người Việt-Nam trên núi Ba-thê. Chúng tôi không quản công bèn treo núi lên tận chùa xem tượng đá. Đó là một pho tượng cao độ năm thước tây. Vì cao quá nên người ta đã chôn trong một cái bể bằng gạch phần dưới từ ngang bụng và muốn cho dễ coi, người ta xây cho tượng hai cái chân xếp bằng tròn trên bể gạch.

Chúng tôi vững lòng đoán như trên, một phần cũng vì có hai tầng đá to chôn sâu hai bên tượng ấy. Mỗi tầng đá cao độ ba thước, rộng hơn một thước, trên có khắc chữ phạn, một lối chữ xưa của người Ấn-độ. Hai tầng đá ấy cũng đào được một chỗ và một lượt với tượng kia.

Một tượng đá Ấn-độ đào được tại một làng mà người Miên chiếm đa số và có nhiều chùa riêng của họ, sao lại về phần một ngôi chùa của người Việt-Nam thờ phụng? Cái «áo le» đó là kết cuộc của một câu chuyện mà trong ấy cái trí khôn của người Việt-Nam được một phen bày tỏ. Người ta thuật lại rằng khi đào được pho tượng cao lớn nặng nề kia, hai phe người Miên và người Việt-Nam giành nhau việc thờ phụng.

Nếu lấy lý và số đông ra mà nói, thì lẽ phải về phần người Miên. Nhưng vị quan có phần sự xử vụ kiện lý thú đó lại dùng mọi phương pháp khác. Ngài truyền rằng phe nào khiêng nổi pho tượng ấy về chùa là được phần thắng. Lính vừa ra, người Miên rập ìa khiêng trước.

Họ đông thật nhưng bấp tay nở nang của họ không lay chuyển nổi tượng đá, mặc dầu họ bu quaah như một đoàn kiến. Đến lượt người Việt-Nam số ít không dùng sức dặng thì dùng chước. Họ bèn lấy cây làm đòn, lấy mấy cột giằng rồi lập thế khiêng bồng tượng đá lên, rình lượn về chùa trước sự căm tức và than phực của người Miên. Nhơn thấy họ số ít mà khiêng nổi, người ta lại phao truyền rằng đó là do «Phật» ngài linh hiển, muốn về với người Việt-Nam nên giúp sức họ.

Ngắm tượng cao lớn có gương mặt/trẻ khôi ngô tuấn tú, xem bảy cái đầu rắn có những nét chạm tinh vi, chúng tôi rất cảm phục người xưa đã có óc mỹ thuật điêu khắc bày nở dồi dào và đã tạo ra được những mỹ-phẩm hoàn toàn đến người đời nay cũng chưa chắc đã ăn qua được. Thấy chúng tôi trầm trồ khen tượng đá, người Miên dẫn đường cho chúng tôi bảo rằng có một tượng khác có bốn mặt cũng vừa, đào được ít lâu nay. Chúng tôi bèn nhờ người dẫn đi xem. Xưởng núi trở lại trang tâm

tàng Vọng-Thê rồi đi vọng ra, phía sau nhà việc độ một cây số ngàn, chúng tôi được thấy trong một cái miếu Ông Tà (người Miên gọi là Nāk-ta), hoang phế, phủ mặc nắng mưa gió bụi và lũ trẻ chăn trâu phá phách một tượng đá vô cùng đẹp đẽ.

Tượng chỉ cao độ bốn mươi phân tây và có ngang từ bụng trở lên; bốn phía có bốn mặt cùng chung một cái đầu. Đường chạm trên gương mặt cũng như nét chạm mũ áo, dây lưng có phần tỉ mỉ kỳ xảo lạ thường. Dầu là người không có mắt thẩm mỹ như chúng tôi mà vừa thấy cũng phải cho là đẹp. Theo lời một nhà khảo cổ mà về sau chúng tôi hỏi lại thì pho tượng ấy thuộc thời kỳ trước đền Đê-Thiên-Đế - Thích (époque préangkorienne), nghĩa là trước thế kỷ thứ 9.

(Còn nữa)
KHUÔNG-VIỆT

ĐÍNH-CHẤNH

Trong N. K, số 29, trang 6, cột 1, hàng 29, xin đọc: « Đông-khâu-đạo » (Sa-déc).

Cùng cột này; hàng thứ tư, dưới chót xin đọc: « Nguyễn-văn-Nhơn, võ thi lãnh chức Chương-Hữu-quân kiêm thư Trung-quân án-uy, văn thi sung Sĩ-quân Tổng-tái, tước Quận công ».

Phương pháp trị bệnh Ho Lao

Tôi có 2 phương thuốc trị bệnh ho lao của ông bà để lại hay quá. Xưa nay đã giúp người ở thôn lân. Nó trị bệnh nhẹ thì mau lành còn bệnh thì nặng như tiếng tắc, mặt và nóng lạnh liên miên tôi cho uống thì chỉ thấy khoả trang một lúc không hết; chỗ còn như bệnh ho chưa thiệt nặng như nói trên và những chứng ho thường như: ho ra máu ho khan ho đờm ho gió ho phong vẩy vẩy thì uống mau lành lắm. Của người bị tế bị đánh đập phải tức ngực chửi rủa càng mau hơn. Có nhứt người dùng thấy hay khuyến khích tôi làm ra bán khắp nơi cho ai cũng dùng được; nhưng vì phương thuốc này quá quý nên tôi không muốn. Nay người ta khuyến khích quá và tôi nghĩ lại có nhiều bệnh tổn bạc ngàn mà không hết thì thuốc này sánh cũng không mắc gì; nêa tôi làm ra và chia nhảm mỗi ve nó g một tiền thì giá 12 \$ 00. Tùy theo bệnh, uống 1 hoặc 2 hay 3 tuần thì lành bệnh.

Đang thuốc này rồi ngoài còn phải có cách kiêng cử và lựa chọn món ăn và phương pháp làm cho phổi mau tươi nhuận mới mau lành. (Tôi có chỉ rõ trong toa). Trong hộp có hai thứ thuốc uống: 1 thứ uống nhừa trương (uống làm trong phổi ra đờm trắng); 1 thứ bổ phổi trị ho. Tây si m. óa mua viết cho và mua tại đây.

Monseigneur NGUYỄN-VĂN-SANG
Cựu Hương-giáo làng Tân-Quới
Boite postale n° 10 (CẦN-THƠ)

TRẠI THANH-NIÊN

(Tiếp theo trang 5)

mới bắt đầu vào đời, nhưng phần đông đã quên và hành động trái hẳn với ý định mình khi trước. Ấy cũng vì thanh niên thiếu sự tập luyện, khi trong lòng còn đầy nhiệt huyết. Chúng ta muốn tránh con đường ấy, thì phải cần tập luyện từ bây giờ. Ở ngoài Bắc, các bạn thanh niên ở nhiều dịp để làm việc xã hội, như dự vào hội truyền bá chữ quốc ngữ hay hội truyền bá vệ sinh và tân y học...

Được dự những buổi họp hay dạy học của hội truyền bá quốc ngữ tôi thấy rất nhiều thanh niên giúp cho hội, như dạy học hay cố gắng kiếm thêm hội viên v. v... Các bạn ấy là những học sinh, hay những thầy làm việc ở các sở; sau một ngày làm việc, tối đến, họ không đi tiêu khiển nơi rạp chiếu bóng hay dạo rong ở phố; nhưng đến trường để dạy học giúp cho hội. Dầu trời rét hay mưa, các bạn ấy không lấy cớ rằng mình dạy không lấy tiền mà ở nhà; gặp học trò khó dạy, cũng không nản chí.

— Vì quen làm việc nghĩa, các bạn ấy đã tập được những tánh rất quý là bền chí và hi-sinh... Tuy thế, tôi rất ước-mong sao cho trường Nam-kỳ được có những công cuộc xã-hội tương tự, để cho thanh niên có dịp mà giúp ích đồng bào.

Trại thanh niên tức nhiên không có thể giúp ích một cách hiệu nghiệm như những công cuộc xã hội việc thiện; nhưng nó có thể là một dịp cho thanh niên học sinh luyện tập ở bước đầu. Trại sẽ lập ra một ban truyền bá vệ sinh và tân y học, để chỉ cho dân quê những điều vệ sinh thường thức; một ban dạy quốc ngữ để dạy cho trẻ em nghèo.

Tóm tắt lại, thì trại thanh niên sẽ là một nơi để cho thanh niên học sinh, vừa nghỉ ngơi, vừa luyện tập về mọi phương diện, để trở nên những người có ích sau này. Đem trình bày mục đích trại với các bậc đầu anh và các bạn thanh niên, tôi mong rằng đàn anh sẽ giúp sức vào, và thanh niên sẽ đến trại thật nhiều.

VƯƠNG-VĂN-LÊ

HAI MƯƠI LĂM
NGÀY ĐI TÌM DẤU
NGƯỜI XƯA
IV. — ĐI Long-xuyên
(Tiếp theo)



HU rừng cao, lồm ảy từ núi ra, hừng hửng chạy xuống, nhưng lại nhũn dần ngay khi chạm phải nước xanh. Tuy vậy, rừng cũng còn tự đắc, không tự đắc sao được khi chẳng xa bờ mấy, người ta mang một cây Dầu, một cây Dầu cổ, tho, một cây Dầu cao nghệu, oai-nghi như một người lớn đứng coi chừng có hề lao-chao luôn là biển kia, và như chệch chỗ mấy trăm nóc nhà khúm-núm đáng xa.

Hôm nay, Dầu vừa đúng ba trăm sáu mươi lăm tuổi, song ba trăm sáu mươi lăm năm của Dầu chẳng hơn gì ba trăm sáu mươi lăm ngày của ta. Ta, bao ngày thức, hạn đêm ngủ, và chỉ trong khi ngủ ta mới mơ, của cây thì thức trọn trong ba mùa xuân, hạ, thu, đến đông mới ngủ, thành ra đông là đêm ngủ sau ngày dài dài dằng, và như ta, cây cũng mơ thấy nắng nọ trong đêm đông.

Thường thường, trong một ngày hè đẹp, những đám phù-du—loài vật nhỏ xiu, sống chỉ có một ngày—không biết từ đâu đến, bay lượn chung quanh cây hiều—lành ấy, thấy chúng, ai mà chẳng cho đời chúng là tương đương, là vui vẻ: chúng đâm lên này, kẹt bên kia, như lối há hững hết hương rừng và nắng ấm. Lặn no, có một con lại đậu trên một lá non của Dầu. Nhìn tấm thân nhỏ bé, đôi cánh mỏng manh của con vật sáng sủa chiếu chết ấy, Dầu không khỏi ngấm ngùi.

Sách mới

Chúng tôi mới nhận được hai quyển sách sau này gửi tặng:
« Giọng Thác Lú » của hai ông Nguyễn-Tổ và Nguyễn-Tức. Đây là một tập thơ mới đáng để cho mọi người, lúc nhàn rồi ngấm nga cho vui.

« Tư-tưởng » của Hiếu-Tân Nguyễn Phan Tấn. Có lời phê bình của quý ông Mỹ-Ấm Trương Vĩnh Tống, Hồ-Biểu-Chánh và Giáo-sư Trần Văn Tý.

Sách góp nhặt 236 điều tư tưởng của tác giả thuộc về đạo tu thân, rất bổ ích cho người đọc. Mỗi quyển giá: 0p.80.

Hồn báo xin cảm ơn tác giả và vai lòng giới thiệu 2 quyển sách mới này với liệt quý độc giả.

CHUYỆN

GIẤC MƠ CHÓT

— Nghĩ mà tội nghiệp cho em. Đời vồn vện có một ngày! Đời sao có đời ngắn ngủi thế! Chắc em buồn lắm rồi chứ?

— Buồn? Tội mà buồn? Anh nói mới kỳ sao! Con vật nhỏ đáp lại, rất ngạc nhiên. Anh chẳng thấy à? Quanh tôi, cái gì cũng chói lọi, cũng ấm êm, cũng huyền diệu, cũng nồng nàn, cũng đẹp để quí! Tôi thấy tôi ngập tràn hạnh phúc.

— Phải, qua có cái em điều đó đâu. Song em chỉ hưởng có một ngày thôi. Rồi khi mặt trời tắt, cái gì quanh em cũng sẽ hết như đời em.

— Hết? Phù-du lặp lại, ngờ ngác. Hết! chữ này nghĩa là gì cả? Mà anh, khi mặt trời tắt, anh có hết không?
— Không, em à. Đời qua còn dài lắm. Qua còn sống hằng muôn ngày của em. Và lại một ngày của qua gồm đến ba mùa hạ. Nói cho em biết vậy cho, chờ em làm sao bình dụng được sự lâu dài của đời qua.

— Tôi không thể hình dung được. Thế thì tôi chịu không hiểu anh. Anh có thể sống muôn ngày của tôi, mà tôi, tôi, có muôn lúc sung sướng, bốn giờ trong một ngày. Bởi ấy tôi chẳng thấy muôn ngày của anh hơn gì một ngày của tôi. Ấy vậy mà khi anh hết, tất cả sự đẹp đẽ, huy hoàng, của đất trời này có hết theo anh không?

— Tất nhiên là không. Trời đất còn sống lâu hơn qua nhiều, nhiều lắm. Qua chẳng thể



Ch. Côn

NGÂN

CỦA CÂY DẦU

nào tưởng tượng được sự lâu dài của trời đất.
— Vậy thì, anh và tôi, chúng ta cũng ở một chỗ. Cái khác có điều là chúng ta tánh không giống nhau thôi.

Rồi Phù-du lại vọt lên không, lại nó đùa với sắc lông lạnh của bộ cánh mảnh-khảnh, bộ cánh sa-tanh, bộ cánh gấm lụa của mình, lại chấp-chôn với gió biau biau, ngất ngây vì hương thơm của linh-lãng-thảo, của dã-tường-vi, của kim-ngân-hoa, của ngọc-trâm-hóa, của hương-mộc, của xạ-hương, của bạc hà... Hương thơm thứ cỏ, cây rừng xông lên mạnh đến đời Phù-du vào đảo như say. Cả ngày dài ấy, cả

ngày rực-rỡ ấy, chẳng phút nào thiếu vui, thiếu khoái cảm, nên khi tia sáng mặt trời vừa yếu thì Phù-du đã nhắm mắt. Hai cánh xinh xinh không đỡ nổi chiếc mình thon, và êm, thật êm, Phù-du nhẹ rơi xuống cỏ, lúc lúc đầu một hồi rồi nằm yên ngủ một giấc vô cùng dị-dạng và bình tĩnh. Phù-du đã hết sống.

Dầu thở dài, thương xót:

— Tôi nghiệp Phù-du. Đời ngắn ngủi một cách đáng sợ! Và cứ như thế, mỗi lần hề lại là những đám phù-du nhầy,

mùa, và với chúng, cuộc đời chuyện như trên lặp lại, chẳng biết mấy trăm thế hệ phù-du; và con nào cũng cho đời mình là đầy đủ, là một chuỗi sướng vui, là một nguồn hạnh phúc.



Hôm nay, cây Dầu chúng ta đang ở vào cuối thu, tức là buổi chạng vạng của đêm đông. Gió hắt hiu bắt đầu ru: « Một đêm an giấc, một đêm an giấc » trong khi lá vàng lả lợt lướt lia cành.

— Ngủ đi... ngủ đi.. Ta sẽ hát một bài cho người ngủ.. Ngủ đi.. Gió vừa rung mạnh cây, vừa đổ dành như ta lúc ru em, vì thật ra, Dầu mới ngủ có ba trăm sáu mươi lăm đêm, và chỉ là một đứa con nít sánh với vạn vật lâu bền: « Ngủ đi, và ngủ ngon nhé! Ngủ... ngủ ngon.. và chúc người thấy những giấc mơ xinh».

Dầu trụi hết lá, và ngủ trọn mùa đông. Trong giấc ngủ dài, Dầu cũng chiêm bao thấy lại những đoạn đời qua.

Dầu thấy mình lúc còn nhỏ xiu, nằm trong nôi ti-hoa là bột Dầu. Rồi lần lần, cây lớn; đến nay, nếu tính theo loại người thì Dầu đang ở vào thế kỷ thứ tư của nó. Bây giờ, Dầu là cây già nhất, lớn nhất, cao nhất của khu rừng này, nên những người đi biển vùng ấy lấy nó làm chứng. Và trên mấy cánh sum-sê là, vài gia đình Ca, Cường làm ở ở; Ta hú cũng từ đó phát ra giọng đều đều. Sa-gi-thò, thì Dầu thành cái trạm cho mấy đàn chim én nghỉ cánh trước khi vượt biển để đến những vùng khi hậu ấm hơn. Nay là mùa đông, thành Dầu giờ lên trời mây nhàn không còn một lá. Đời khi một đàn quạ ghé lại âm-ỉ than phiền thời tiết xấu, kho kiếm miếng ăn.

Nhưng đêm ba mươi Tết, Dầu mới mơ một giấc đẹp hơn hết.

(Còn tiếp)

ZÁ HẠC VÀ TRI-H NGUYÊN

GIÁ BẢO

NAM-KY T. B.	ĐẠI-VIỆT T. C.
Một năm 13 p. 00	Một năm 9 p. 00
Sáu tháng 7 00	Sáu tháng 5 00
Ba tháng 4 00	Mỗi số 0 40
Mỗi số 0 25	

Mua luôn cả Nam-Ky và Đại-Việt Tập-chi trọn năm giá là 20 p. 00.

Mua báo, chỉ, phải trả tiền trước.
Quần-lý: HỒ-VĂN KỶ-TRẦN
5, Rue de Reims — SAIGON

CÚNG «ÔNG»



Mỗi năm, nhơn dịp Thanh-minh Lăng-ông Ba-chiều lại bày ra một cảnh tung bùng rộn - rịp. Luôn bốn ngày, có cúng, có hát, có khời nhang nghi ngút, có đèn đuốc sáng trưng.

Thiên-hạ tới cúng trùng-trùng, điệp điệp, người Nam có, người Bắc có, mà chủ thím cũng chẳng thiếu gì.

Tôi muốn nói chủ là các chủ mà thím là mấy thím xâm.

Đức Tả-quân là danh thần người Nam nay được đồng bào Trung Nam Bắc tới cúng, lạ đó lạ một chuyện rất thượng.

Nhưng phi-thượng là ở chỗ ngài có rất nhiều tín chủ người Tàu mà là những tín chủ trung thành đạo đức.

Họ cúng ngài trong dịp Nguyên-đào, họ cúng ngài trong tiết Thanh-minh, họ cúng ngài những ngày rằm, mùng một, nhưng nhiều khi có chuyện buồn, có nỗi lo, có thân như mang bệnh ngặt nghèo hay gặp cơn hoạn nạn, họ đến chạy-tới trước bàn thờ Ngài, qui mọp để xin lấy một lời giải quyết và hẳn hẳn là họ được hài lòng.

Ông thiêng lắm, cái đó đã hẳn rồi. Nhưng, đầu là người thiên cò, ông vẫn là người Việt-nam.

Ở chỗ cao-siêu không biết có lúc nào ông tự hào lấy chút đỉnh, nhưng thật ông đã khiến cho tôi vui sướng khôn cùng, khi tôi thấy có người Huế-kiến tới cúng ông với tấm lòng thành kính.

Chúng ta đã hương hoa thờ phụng biết bao nhiêu là ông Thánh Tâu, thứ nhất là đức Thánh Quan, một bậc danh tướng đời Tam-quốc mà hồi sanh tiền chắc chưa bao giờ nghĩ tới sự hiển linh trên giải đất Việt Nam.

Nhiều người nói : Ta thờ cúng Quan-Công không phải là thờ cúng một vị anh hùng ngoại quốc mà là suy tôn những đức tánh trung, can, nghĩa, dũng của ngài.

Tôi cũng nói : Người Huế-kiến cúng đức Tả-quân không phải bởi ngài là bậc danh thần

Việt-Nam mà bởi đã làm mộ ở ngài cái tiết tháo vô song.

Tuy nhiên, ta còn có thể nói thật hơn một chút là bởi thấy linh thiêng nên cúng lễ, cúng lễ để Quan-Công hay ông Thượng các ngài phò hộ cho được may mắn ở đời.

Đành rằng sự qua lại trong công việc thờ cúng đã làm cho tôi có chút tự hào thỏa thích về phương diện danh dự quốc gia nhưng tôi còn chưa hài lòng về cái tâm lý của một số đồng người mình trong sự thờ cúng danh nhơn của đất nước.

Đêm giao thừa giữa hai năm Nhâm-ngo và Quý mùi, tôi có vô Lăng để xem người ta tới cúng.

Ở trước hai năm mộ song song, ba cái hồ lớn cho thiên hạ cắm nhang, đêm đó đã thành ra ba cái bông hoa rực rỡ.

Những bó nhang chấy đổ, bó nọ cắm khít bó kia, kết hiệp với nhau để gây thêm sức sáng, rồi thả khói ra cho chúng nó rược bắt nhau nghi ngút ở không-trung.

Lúc đó tinh thần của mỗi người đều bay theo làn khói, nhưng mỗi người đều muốn gặp ông để ông thương riêng mà ban phước cho nhiều hơn kẻ khác.

Phải chi lúc đó mỗi người sẽ quên mình, quên những lợi quyền ích kỷ của mình, không khấn cầu vau vại cho mình mà chịu bình tâm tĩnh trí, kính cẩn tưởng niệm tới tiên-nhơn, soi gương ngày mà sống cho nên người ích-quốc.

Được vậy thì tinh-thần của mỗi người sẽ gặp gỡ nhau, theo những làn khói ngạt ngào mà cùng đi tới một lúc để sáp nhập vào với cái tinh-thần bất diệt của đức Tả-quân.

LẠC-QUAN-NHƠN

QUAN-HẢI TÙNG THƯ

TRUNG-HOA SỬ-CƯƠNG

của

ĐÀO ĐUY LĂNG

Quyển sách lịch sử Trung-hoa đầu tiên viết bằng quốc-văn, tổng hợp kết-thủy lịch sử của nước thầy văn-bóa Đông-phương, từ buổi nguyên thủy đến ngày nay.

VĂN-HÒA

29, M. Pasteur - HUE

PHÒNG NGỪA BỆNH CHO CON NIT



HÔNG thể không nhận rằng, nếu con nit đau ốm, ấy là trách nhiệm ở người làm cha mẹ, hoặc người vú giữ em, một phần rất lớn vậy.

Là vì nếu để ý phòng ngừa một chút, thì không mấy khi con nit phải đau ốm. Muốn phòng ngừa cho có hiệu quả, thì trước hết phải biết nguyên nhân bệnh, kể phải nhận cho được những dấu hiệu tỏ rằng cơ thể con nit bất an. Dưới đây chúng tôi nói sơ qua hai khoảng đó.

Bệnh con nit tuy nhiều, nhưng chúng qui có hai nguyên nhân chính.

- 1) Cấm, bị lạnh hay bị nắng.
- 2) Ăn uống, không điều độ, không hợp vệ sinh.

Đối với các sự lạnh, ánh mặt trời rất qui báu, vì nó giết vi trùng. Nhưng đối với xứ ta là một xứ nóng bức, ánh mặt trời có một nhiệt độ quá sự cầu dung của cơ thể. Thành thử, con nit, chạy chơi, phơi đầu ngoài nắng thì dễ bị cấm. Còn cấm lạnh? Có người nghĩ rằng xứ nóng như xứ ta, thì không lo con nit bị lạnh. Đó là một sự lầm rất hại. Sơn mai sớm, chiều tối, và khuya, là lúc bão khí dễ xâm nhập vào cơ thể. Nên để ý mà mặc thêm.

Chẳng có quốc-gia nào mà không có sự quân-bình xã hội, và cũng chẳng có sự quân-bình xã hội nào mà ngoài phạm vi quốc-gia.

Chúng ta hãy có thái cách vừa xã-hội vừa quốc-gia.

Cùng độc-giả yêu qui

Trong số mấy ngàn độc-giả yêu qui của Nam-Áy Tuần-Báo, hãy còn một số đồng chưa có dịp gửi số tiền mua báo đến cho nhà báo. Một người thì không sao, chờ trăm, ngàn người, thì phải thành ra một số tiền lớn.

Giấy mực hồi này đã tăng giá cao, lại cũng phải giữ đúng theo lệ « tiền trao cháo múc », xin-liệt qui độc-giả sớm gửi giúp số tiền lên, chúng tôi cảm ơn lắm lắm.

Quản-ly N. K. T. B.

áo cho con nit. Sự ấy ai cũng hiểu. Trái lại, lúc trời nóng nực, con nit đổ mồ hôi, mà bị cảm lạnh là một điều kẻ làm cha mẹ không hay để ý tới. Ta thấy rằng mồ hôi để một lát thì khô; nghĩa là nó bốc lên thành hơi, rồi bay tản trong không khí. Lúc nó bốc thành hơi thì nó lấy hơi nóng của cơ thể. Thành thử da thịt bị mất sự nóng của nó mà thành lạnh. Ấy là nguyên nhân cảm hàn rất thường vậy.

Có thể thí nghiệm như vậy. Lấy cây quạt rồi quạt bàn tay mình. Kéo lấy nước thoa trên tay, rồi cũng quạt, thì sẽ thấy nó lạnh hơn trước là bao nhiêu!

Đến như dấu hiệu cơ thể con nit bất an, thì cũng dễ nhận thấy lắm.

Con nit nhỏ chưa biết nói, thì Trời sanh nó biết khóc la, để cho ta để ý đến nó. Về tiếng khóc con nit, xin xem trong một số « Nam-Kỳ » trước. Con nit biết nói, khi ta thấy nó không khỏe, chúng chứng khác mọi lần, ấy là nó có bệnh vậy. Chẳng nên coi thường.

Nghe con nit ho, hoặc nháy mũi, nhứt là nháy mũi, thì phải biết rằng nó lạnh. Lạnh vì bạn quen áo không đủ ấm, hay là lạnh vì bị mồ hôi như đã thấm trên; phải lau mồ hôi ở lưng và ngực nó cho kỹ. Con nit nhỏ trong năm, khi dài rớt đi thì luôn luôn nháy mũi. Người giữ em nên để ý mà thay đồ cho nó. Phải đóng cửa bà dốt, hề nghe con nit nháy mũi thì vọt miệng la « ăn cơm, ăn cá », hoặc cho rằng có bác, ông bà ở xa nhắc nhở nó nên nháy mũi. Làm hại con mà không để, ấy là như vậy đó.

AI-NHÂN

Phong-Lưu Chi-Bưu hoàn

Trị bệnh lậu Hay như !

Tổng phát hành :

Nhà thuốc PHUNG-HOANG

N° 9 Route provinciale 15 - GIADINH

Có gởi bán - Saigon : Mme Ng-thy Kinh ;

Maison Kim-Tiến : Gare Tabard-Dakao ; Maison Trần-hữu-Hùng gần gare Dakao ; Phú-nhuận ;

Maison Hồng-Diệu ; Maison Bà-thành ; Maison Việt-Hà - Giadinh Maison ; Trương-Vũ ; Maison Nguyễn-văn-Bình, gare Bà-Chiến - Cánh-thơ ;

Echoppe Lương-Vinh - Mytho ; Maison Công-Minh ; Ngã-tứ Cổ-các - Cầu-nhiên-dự-ly.

TIN THẾ GIỚI

TIN TRONG NƯỚC

○ **Mặt trận Nga-Đức.**—Trong tuần lễ này, quân Đức và Nga không có đánh trận nào cho thật lớn, nên tình hình mặt trận không có gì thay đổi. Đức có dùng súng đồng thật lớn, bắn xối vào dinh trại quân Nga ở Leningrad, cho phi cơ đi dội bom xuống các đường vận tải và các chỗ tập trung của Hồng quân. Các cuộc tấn công của quân Nga ở vùng Kouban, đều bị quân Đức đánh lui.

○ **Mặt trận Tunisia.**—Thống chế Rommel và đại tướng Von Arnim đã rút hết quân Đức Ý ở phía Nam đến tận cố thủ ở vùng Bizerte và Tunis. Phòng tuyến mới này của quân Trục còn vững chắc hơn phong tuyến Ma-cth nữa.

○ **Ba đại tướng của Đồng minh là Montgomery, Anderson và Patton** cũng xua quân Anh-Mỹ—có đến nửa triệu—rước theo đến trước phong tuyến của Trục. Cuộc này núi non hiểm trở lắm, bởi vậy phe Trục chỉ có 50 ngàn quân, song cũng có thể cố thủ được lâu dài. Quân hai bên đã bắt đầu đánh nhau mấy trận kịch liệt, song chưa định được sự hơn thua. Đức Ý có cho phi cơ chở viện binh qua giúp Thống chế Rommel, song các báo Anh lại nói nếu Rommel tấn công quân Trục ở đây qua cả lao Sicile của Ý, thì là mạo hiểm lắm đó.

○ **Đại Đông Á.**—Có 465 phi cơ của Đồng minh bị Nhật đánh nhào ở phía Bắc Akyab. Có một đội quân Anh toàn vượt qua sông gần Chiang Lop để vào nước Thái-lan, song bị quân tuần Thái đánh lui và tổn thất nặng.

○ **Tại tỉnh Sơn đông và Chiết giang,** quân Nhật và quân Quốc gia Tàu vẫn thắng quân Trưng-khánh. Có 2 vị Tư lệnh quân Trưng-khánh, một vị tử trận và một vị biệt tích.

○ **Bác sĩ U-Ba-Maw,** Thủ tướng Miến-điện sang viếng nước Nhật đã trở về đến nước mình.

○ **Tin bên Pháp.**—Chiều 13 Avril có một cuộc biểu tình lớn ở một rạp chớp bóng tại Vichy phản đối chủ nghĩa Cộng-sản. Phi đội Anh-Mỹ vẫn còn qua dội bom xuống Abbeville và Caen. Kế toán ám sát ông Marcel Déat đã bị lính bắn chết và kế toán ám sát ông cựu Nghị viên Cộng-sản Capron-cũng đã bị bắt.

○ **Cựu Tổng thống Millerand,** đại tướng Mor-dacq và kếp hạt bóng Harry Baur đã từ trần còn ông Charles Maurras cũng đang đau nặng ở Pau.

○ **Pháp mới gọi** qua Đức 250.000 dân thợ, Đức liền trả ra 50.000 tù binh Pháp và cũng cho 250.000 tù binh khác đổi ra làm dân thợ ở giúp việc tại nước Đức.

○ Ngày 8 Avril, quan Toàn-quyền Đông-Pháp cõ đến xứ Lào chủ tọa cuộc lễ khánh thành đoạn đường Thakhek-Paksane, dài 125 cây số. Thế là từ nay ở Saigon đã có con đường xe hơi thông suốt đến tới Luang-Prabang, dài 1.600 ngàn thước. Như dịp quan Toàn quyền cũng có lên Wentiane hội kiến với đức vua Sisavang Von.

○ Về Đông-kinh mới trở qua Hanói, bữa 14 Avril, quan Đặc-sứ Phương-Trạch có đến viếng quan Toàn-quyền Decoux. Sau đó quan Đặc-sứ có tuyên bố với báo giới, rằng trong đại cương chánh sách của Nhật đối với Đông-Pháp không có sự gì thay đổi. Nước Nhật sẽ tận tâm làm việc cho một sự hiệp tác chặt chẽ hơn nữa với Đông-Pháp.

○ Ngân hàng Đông-Pháp mới phát hành một kiểu giấy bạc mới 20 đồng. Thụ giấy này bề khổ 7cm5 x 13cm6, do họa sĩ Trần tấn Lộc vẽ, màu xanh sẫm, và do nhà in I.D.E.O. ở Hanói in.

○ Đoàn đại biểu Y-tế Đông-Pháp, gồm có 3 bác-sĩ Gaillard, Rivalea và Vũ-giác-Anh, sang dự Đại hội nghị Y-tế Đại-dông-Á, từ Saigon ngồi phi cơ đã qua đến Đông-kinh (Nhật).

○ **Lâu nay kho Tiết kiệm (Caisse d'épargne)** ở Saigon chỉ cho phép mọi người được gọi tiền tới số 20 ngàn quan, tức là 2.000 đồng bạc ta thôi, nhưng nay có lẽ mới, cho phép được gọi tới 40 ngàn quan, hay 4.000p mình.

○ Từ 16 đến 30 Avril, ở Namyang có cuộc đấu xảo kỹ-nghệ, do sở Thanh tra bảm mô tổ chức, dưới quyền bảo trợ của quan Khâm sứ Cao-miền.

○ **Chiều thứ bảy trước** sở Tuyên truyền, Thông tin và Báo chí ở Saigon có đem phim chụp Hội chợ Saigon hôm trước ra chiếu thử ở rạp Eden, và có mời các nhà viết báo đến xem. Các gian hàng, bue viên và các cuộc vui trong Hội chợ đều chụp đủ và khi chiếu lên màn bạc trông rất ngoạn mục.

○ **Cuộc lễ cúng Thanh minh** trong lăng quan Tả quân Lê văn Duyệt cũng được chụp và chiếu ra.

○ **Chiều 14 Av.** Hoàng-đế Bảo Đại, quan Khâm-sứ Grandjean, quan Thượng-Phạm-Quyán và Trương như Đình có đến viếng các tỉnh phía Bắc Trung kỳ.



của HỒ BIỂU CHANH

(Tiếp theo)



HUA, cháu là con một, không có anh hay là em nào hết.

—Chà chà!... Bằng Giáp có hai anh em, tưởng là phận nó ít-oi, té ra phận cháu còn ít-oi hơn nó nữa.

Ông bà ở trên nhà còn mạnh giỏi, song toàn há?

—Thưa, cháu mồ côi cha từ hồi mới được 10 tuổi. Cháu chỉ còn có một bà mẹ mà thôi.

—Con mồ côi mà học được, vậy cũng đáng khen.

Ông Cả tiếp mà hỏi Cang:

—Cháu xuống dưới này chơi, cháu có thưa cho bà trên nhà hay chớ?

—Thưa, có.

—Nếu vậy thì cháu ở chơi lâu lâu. Để mai mốt rồi bằng Giáp dắt đi Travinh, Tiểu-Cần, Ba-Dộng mà chơi cho biết. Chơi đủ thèm rồi chừng muốn về tới sẽ cho xe hơi đưa về. Cháu năm nay được mấy tuổi?

—Thưa, cháu được 20 tuổi.

—Té ra một tuổi với bằng Giáp.

—Thưa, phải.

—Đi học rồi kết nghĩa anh em với nhau như vậy coi ngộ quá. Qua sang năm cháu cũng thi Tú-tại kỳ nhi như bằng Giáp phải hôn?

—Thưa, phải. Hai anh em cháu học một lớp.

—Chừng thi đậu rồi cháu tính làm việc gì?

—Thưa, việc đó cháu chưa tính, để thi rồi sẽ hay.

—Bằng Giáp cứ đòi đi Tây mà học thêm hoai. Học làm chi nữa không biết. Nhà có tiền, học có bằng Tú-tại cũng đủ dùng rồi, cần gì phải học thêm nữa.

Giáp xen vô cãi với cha:

—Cha nói như vậy con sợ không hợp với lẽ phải. Nhà không có tiền, nên học không được, chẳng nói làm chi; chứ nhà có tiền thì phải dùng tiền ấy mà học cho đến cùng, có lý nào mới đến Tú-tại rồi thôi đi.

—Đời này con nó ý có ầu học rồi nó hay cãi với cha mẹ quá.

—Con cắt nghĩa cho cha nghe chớ.

—Hừ!... Cắt nghĩa!...

Hương-hộ Tân nói: « Em Giáp nói phải chớ. Có tiền thì nên học cho tới bực. Phận con hồi đó học lơ lơ nên về nhà làm ruộng làm làng thì đã đành. Em Giáp còn nhỏ, lại có môi học được, vậy cha mà còn để cho em học sẵn tới hoai, bắt em ở nhà uống lăm ».

Ông Cả cười và nói: « Mấy cứ vừa theo ý bằng Giáp hoai!... Học có bằng Tú-tại, mình về nhà cưới vợ, rồi ra làm làng làm tổng cũng sướng vậy chớ... »

Thình lình ông Cả dạy qua hỏi Cang: « Cháu Cang muốn cưới vợ dưới này hay không? Như muốn thì tôi làm mai cho ».

Cang nghe nói việc cưới vợ thì mặc cỡ nên ú-ớ đáp:

—Thưa bác, việc đó cháu... chưa tính.

—Trai lớn lên, hề học rồi thì cưới vợ, chớ tính giống gì.

—Thưa, cưới vợ là một đũa quan hệ nhất trong đời của đờn ông con trai. Vậy cháu phải suy nghĩ cho kỹ, cháu đâu dám làm bừa.

—Ông Chủ ở ngoài Áo-Từ có hai đứa con gái tánh nết được lắm. Ông không có con trai mới năm bué lợi tới mười mấy ngàn gia; mà coi thể ông còn làm giàu thêm nữa, bởi vì năm nào ông cũng mua ruộng thêm hoai. Như cháu muốn cưới vợ dưới này đừng gán gởi với bằng Giáp mà chơi, thì chừng thi rồi, cháu thưa cho bà trên nhà hay, rồi tôi làm mai cho. Tôi nói vô thì chắc ông Chủ gả.

Cang không biết phải trả lời thế nào cho khỏi trái ý ông Cả, bởi vậy chàng ngó Giáp mà cầu cứu.

Giáp bèn nói: « Cang cũng như con, lúc này mắc lo học rút dặng ít tháng nữa đi thi, trong tri đây những sách vở, có chỗ nào trống đầu mà nghĩ đến việc cưới vợ. Mà ông chủ Qui thủ-cử quá, làm rõ ông Cang chịu sao nói. Cha đừng có xúi Cang cưới con ông Chủ, không được đâu cha ».

Bà Cả nói : « Bây giờ cháu nó mắc lo học đặng thi, nói chuyện cưới vợ làm chi. Để nó thư dậu rồi, như muốn cưới vợ, thì thiếu gì con gái.»

Ấn cơm rồi Giáp với Cang vào một cái phòng riêng mà nghỉ trưa. Đến xế hai chàng thức dậy. Cang nói với Giáp :

— Minh thay đồ rồi đi ra ngoài đồng chơi.

— Trời còn nắng gắt quá. Như toa muốn đi thì để chiều mát rồi sẽ đi.

— Nếu đợi chiều mát thì kế tối liền mình chơi không lâu được.

— Đi chơi ngoài đồng buổi chiều không có thú vị bằng buổi sớm mai. Lúc này lúa mùa đương trổ, sớm mai mình đi sớm ra đồng, mình hấp thanh khí, lại nhờ có lúa trổ bay mùi thơm ngọt ngào, làm cho mình khỏe khoắn lung lắm. Vậy chiều mát mình lấy xe đi Trávinh chơi, rồi sáng mai dậy sớm mình sẽ đi trong đồng.

— Tinh như vậy cũng được.

Hai anh em nói chuyện tới đó, kể nghe ở ngoài có khách đến, ông Cả với Hương-bộ tiếp chào mọi người. Giáp bước ra đứng nấp cửa phòng mà dòm rồi trở vào hỏi Cang :

— Toa biết khách nào tới đó hay không ?

— Mõa mới xuống dưới này lần đầu, mõa có biết ai đâu.

— Ông Chủ Qui, người có hai đứa con gái mà hồi ấn cơm cha mõa muốn làm mai đặng toi cưới đó.

— A ! Vậy để mõa ra coi ông là người thế nào.

— Toa tính cưới con ông hay sao, nên toa muốn làm quen với ông ?

— Không phải vậy. Đến xứ lạ mõa muốn khảo cứu như vật chớ.

— Tốt. Vậy toa thay đồ rồi đi, rồi mõa dắt toa ra mà trình diện với ông Chủ. Mõa nói trước cho toa biết, ông Chủ Qui là một vị Hương-chức ôn hòa, lại là một vị hiền-chủ lễ nghĩa lắm. Vậy nói chuyện với ông, toa phải đề-đặc, phải nói theo luân-lý Nho-giao, chớ đừng có nói theo chủ nghĩa Epicure, hoặc lý-thuyết Bergson nghe hôn.

— Mõa biết cách nói chuyện với mấy ông đồ-đệ của Không-Tử mà, toa đứng lo.

Hai chàng thay đồ rồi bước ra chào ông Chủ Qui.

Ông Chủ hỏi Giáp :

— Cậu ba về bao giờ ?

— Thưa, cháu mới về hồi trưa.

— Hồi trước nghĩ đặng ăn Tết hả ?

— Thưa, phải.

— Đời nay tay nhà nước rên tập người mình theo văn-học mới, mà nhà nước cứ giữ luân lý cũ cho người mình, như vậy thiệt là quí lắm. Theo phong tục của mình, tới Tết ai cũng phải lo cúng quải ông bà ba bữa. Người ta cho học saub nghĩ đặng về mà lo trả lễ với tổ tiên, làm như vậy thì phải quá.

Ông Chủ không biết Cang nên nói Cang mà hỏi : « Còn cậu đây là ai ? »

Ông Cả đáp : « Cháu Cang đây là anh em học một lớp với thằng Giáp, nên bài trường nó mới xuống dưới này chơi.»

— Ông Chủ nói Cang trán-trần-rồi-hỏi Cang :

— Cậu gốc ở tỉnh nào ?

— Thưa, cháu gốc ở Thủđầumặt.

— Xa dữ há l... Thuở nay tôi chưa biết miệt trên... Xong chơi dưới này, cậu coi phía dưới này có vui bằng miệt trên hay không ?

— Thưa, mỗi xứ đều có một cảnh thú riêng, nên cháu không dám đoán chắc xứ nào vui hơn. Tuy vậy mà cháu tưởng chẳng có chỗ nào vui cho bằng cái làng mà cha mẹ mình chôn nhau-rồng của mình tại đó.

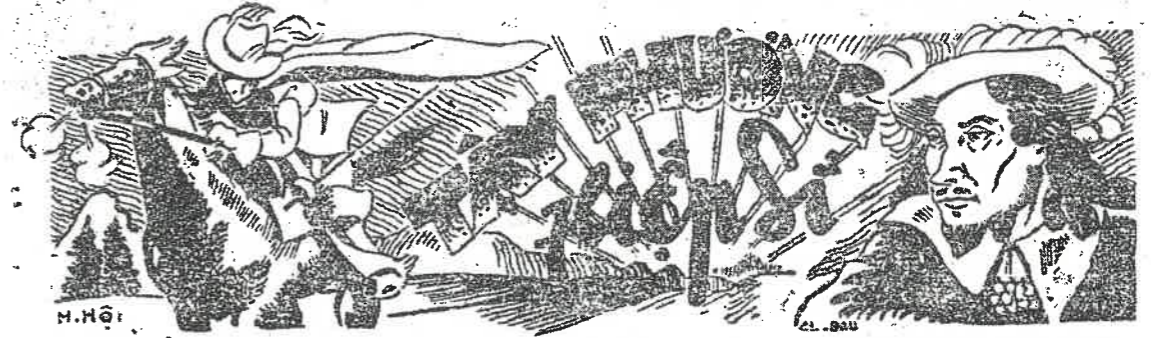
— Cậu nói bao nhiêu đó cũng đủ làm cho người ta biết cậu là người không vong bản. Tôi khen cậu lắm. Học theo tân học, mà không bỏ nề-nếp xưa, người có trí ý như vậy mới phải là người An-nam.

— Thưa, sự tân-hóa là lẽ tự-nhiên của vạn vật. Nhơn-loại tân-hóa tự nhiên kéo lời phong hóa, kinh-tế, chính-trị đều phải tân-hóa theo hết thấy. Văn học cũng vậy, văn học cũng phải bị ảnh-hưởng mà tân-hóa nữa. Chán nghe nói đương như học thành hiền xưa cũng nhìn nhận cái lẽ tự nhiên ấy, bởi vậy trong sách nho mới có câu : « Nhứt tân, nhứt nhứt tân, hữu nhứt tân ».

— Chà chà l... Học Tây mà cũng biết sách nho, cũng hiểu ý thành hiền xưa của mình nữa sao ?

(Còn nữa)

Savon VIET-NAM
Tốt nhất



ĐỜI NƠI của Athos vừa nghĩ lễ mễ chỉ nh vừa trọng thể, làm cho ba vị sĩ quan không thể không tin được. Song một vị đại-tá, muốn vờn thử Athos một lần chót coi thế nào, nói :

KIỂM-HIỆP TIÊU-THUYẾT
do Thâu-Vân
NGUYỄN-VĂN-QUI
dịch truyện : Le Vicomte de
Brage'onne
của Alexandre Dumas

(Tiếp theo)

— Tuy bây giờ chúng tôi tin lời tức-hạ là thật, nhưng chúng tôi dòm thấy trong cái chuyện này có một sự bí-mật kỳ quá. Đại-tướng là một người rất có ý-tứ, không lẽ trước ngày giao-chiến, ngài bỏ quân-sĩ đi, không cho một người nào trong anh em tôi hay ?

Theo như ý tôi tưởng thì việc Đại-tướng mất tích đây có một cái nguyên nhân kỳ-lạ lắm chớ chẳng không. Hồi chiều hôm qua, có một bọn thợ-câu ngoại-quốc tới đây bán cá. Đại-tướng cho chúng nó ngủ trong một cái trại ở ngay trên đờng mà Đại-tướng đã theo đó đi qua nhà dòng và từ nhà dòng đi trở về trại. Lại có một anh thợ-câu cầm đèn lồng đi theo Đại-tướng nữa. Rồi sớm mai này, thuyền câu và thợ-câu đều theo cửa nước mà mất dạng cả.

Trung-úy nói :

— Theo tôi thì sự chúng nó đi là lẽ tự-nhiên, vì chúng đều có phải là người bị cầm tù !

— Đã đành, nhưng phải để ý tới chỗ mà một người trong bọn chúng nó cầm đèn rọi đờng cho Đại-tướng và tức-hạ đây đi qua nhà dòng. Một phía khác, Digby nói chắc với chúng tôi rằng Đại-tướng có để ý nghĩ-ngờ bọn ấy. Ai dám đoán rằng bọn thợ-câu kia không có ăn-ý với tức-hạ đây ? Ai dám chắc rằng khi hành-dộng xong, tức-hạ đây là người can đảm, không ở lại để làm cho chúng ta vùng lóng, làm cho chúng ta lạc đờng trong cuộc tìm-kiểm !

Lời luận này làm cho hai vị sĩ-quan kia suy nghĩ. Athos nói :

— Thưa ngài, ngài cho phép tôi nói rằng lý luận của ngài, bề ngoài coi thì đúng, mà kỳ thật không đứng vững về chỗ ngài bước

tôi. Ngài nói rằng tôi ở lại đây để làm cho mất sự nghi ngờ đi. Không nhầm ! Nếu tôi bị tình nghi thì về phần tôi, tôi cũng nghi lại các ngài vậy. Tôi xin nói cho rõ : Trước ngày đại-chiến, không có thể nào Đại-tướng bỏ đi mà không cho ai hay hết. Phải rồi, tôi cũng công nhận rằng trong sự này có một cái nguyên nhân kỳ lạ, thay vì ngồi điềm nhiên tọa thị chờ, mấy ngài nên tận ký tâm lo tìm kiếm thì phải hơn. Thưa các ngài, tôi kể cũng như kẻ bị cầm tù. Cái danh dự của tôi để vào trong vụ này, tôi quý trọng cho đến đời nếu các ngài cho phép tôi đi, tôi cũng ở lại, cho các ngài rõ lòng tôi. Nếu như các ngài hỏi ý kiến của tôi thì tôi xin đáp rằng : Đại-tướng mà mất tích đây, chắc là bị chúng âm mưu bắt cóc, chớ nếu người cố ý bỏ trại ra đi thì người đã cho tôi hay rồi. Vậy thì các ngài phải lo kiếm người, phải lục xét, trên bờ, dưới biển, cùng hết. Tôi biết Đại-tướng không có bỏ đi mà vì dầu có đi, thì cũng không phải tự nơi ý người muốn.

Trung-úy nói hai vị đại-tá, ra dấu, rồi nói :

— Không, không phải vậy. Chuyện này tức-hạ nói xa vời quá ! Tức-hạ nên biết rằng Đại-tướng của chúng tôi là một người không bao giờ để phải bán lòng vì thời thế, mà trái lại, chính ngài đã tạo nên thời thế đó. Bởi vậy, công việc mà ngài đương làm lúc bây giờ đây thì ngài đã thường làm. Chúng ta không cần phải lo sợ, bởi rồi. Ngài có vắng mặt thì chỉ vắng trong một thời gian ngắn ngủi mà thôi. Vậy thì chúng ta không nên thổ lộ việc ngài vắng mặt ra sợ e quân-sĩ nghe

mà ngã lòng. Đại-trưởng đã tin cậy chúng ta thì chúng ta phải làm sao cho xứng đáng với sự tin cậy đó. Thưa các ngài, tôi xin các ngài hãy thử kiên nhẫn như bình. Mà trước hết, tôi xin giữ túc hạ ở lại đây, không phải là chúng tôi không tin cậy túc hạ, nhưng phải làm như vậy để giữ cho sự bí mật kia không lọt ra ngoài vòng tay người của chúng ta. Xin túc hạ ở lại đại trại đây, đợi tôi chừng nào có lệnh mới sẽ hay.

— Thưa các ngài, trong thế khi các ngài quên rằng Đại-trưởng đã giao cho tôi giữ một cái kho để thuốc súng và bị đạn sao? Các ngài có sợ tôi trốn thì cất cho bao nhiêu quân sĩ tùy ý để giữ tôi, hay là muốn cho chắc nịch, cứ trói tôi lại, nhưng xin để cho tôi ở cái nhà ngoài vòm sòng kia. Nếu các ngài không nhận lời tôi thì tôi chắc tôi chừng Đại-trưởng trở về, ắt ngài sẽ quở các ngài đã.

Ba vị sĩ-quan nghe nói bèn hỏi ý-kiến với nhau, rồi quan trung-ủy đáp rằng:

— Được, thôi túc-hạ cứ về.

Athos về rồi, ba vị sĩ-quan cho một toán quân 50 người, bao xung quanh nhà, giữ không cho Athos ra khỏi chỗ ấy.

Quả thật, chuyện Đại-trưởng Monck mất tích giấu được nệm, nhưng mà giờ qua, ngày lại qua, cũng không thấy Đại-trưởng trở về, cũng không nhận được tin tức của ngài.

XXVIII



AI ngày sau, trong khi ở Đại-trại của Monck bộ Tham-mưu đang chờ Monck trở về, mà Monck không về, thì ở bờ biển Scheveningen, một chiếc thuyền Hòa-lạp, trên thuyền có mười thủy thủ, đang dỡ neo, đậu cách bờ vừa mút lẫn súng. Trời tối đen, nước lại vừa lớn, thật là một dịp rất tốt để đem hàng hóa lên bờ.

Bờ biển Scheveningen là một cái bãi rộng lớn, hình như một cái vành móng ngựa, nước không sâu, lại có phần bất tiện cho tàu đỗ bến, cho nên phần nhiều những thuyền đậu tại đó đều là thuyền cá của người Hòa-lạp. Khi nào thuyền đậu nghỉ thì họ kéo lên bãi cát. Gặp cơn nước lớn, tràn vào bờ, mà mình đồ đại-thuyền gần bờ thì bại lắm, vì nếu có gió thổi vào thì thuyền rần lên bãi, mà cát nơi bãi này lại là cát bùn, nếu nó bám vào thuyền thì khó đem ra. Có lẽ vì vậy mà chiếc thuyền nói trên kia bỏ neo ở ngoài khơi, rồi thả neo thuyền xuống, chỏ tám tên thủy thủ và một vật chi hình đại dương như một cái bòm, vào bờ.

Lúc bấy giờ bờ biển vắng lạnh. Có vài nhà thợ câu ở trên bãi mà giờ đó họ đã ngủ hết. Tên quân canh ở chỗ này nó cũng bắt chước mấy anh thợ câu, ngồi dựa nhà vòm ngủ ngáy rờ rờ. Tư bề lặng ngắt như tờ, chỉ nghe tiếng gió thổi khua lá cây kêu xào xạc.

Đêm đã khuya-khoác, bãi biển lại vắng tanh, thế mà bọn thủy thủ không dám làm ồn-ào, họ không dám chèo sọt động tiếng, để cho gió đưa tiêu thuyền vào bờ.

Thuyền vừa đậu đây, thì một người vừa nhảy lên bờ-gọn-gàn và truyền lệnh. Nghe giọng nói thì biết là một người đã từng điều khiển quân binh. Lệnh vừa truyền, thì thấy bọn thủy thủ rap khiêng cái bòm nặng đem lên bờ một cách êm ái và có ý tứ, dường như trong hôm kia có dựng đồ lậu. Khiêng bòm lên để trên bờ rồi, người nhảy lên trước khi này chạy thẳng vào làng Scheveningen, đi về phía khu rừng lộ ra ngoài bờ biển. Tới chỗ rồi, người kiếm cái nhà ở trong lùm cây mà chúng tôi đã có nói ở một chương trước, cái nhà tạm, cái nhà cất rất đơn sơ để cho Anh hoàng ở đó.

Trong nhà vua Charles cũng đã an giấc. Một con chó thật lớn, thừ chó mà thợ câu ở làng Scheveningen dùng để kéo xe chở cá đem đi bán ở La Haye, thấy có người lạ mặt lấp ló ngoài cửa, bèn ở sủa om sòm. Người lạ mặt thấy vậy đã không sợ lại lộ vẻ mừng vì có tiếng chó sủa kia, người trong nhà mở giục mình thức dậy. Người đợi chó sủa một chập rồi người mới ồm ồm tiếng lên kêu. Con chó nghe tiếng người càng sủa già hơn nữa. Bấy giờ trong nhà có tiếng người la dứ dứ chó. Con chó vừa nín sủa thì tiếng ở trong nhà hỏi ra:

- Chú muốn chi đó?
- Tôi muốn yết-kiến vua Charles để nghị.
- Yết-kiến để làm chi?
- Tôi muốn nói chuyện với ngài.
- Chú là ai?
- Ồi chà! Chú hỏi nhiều lời quá! Tôi không muốn nói chuyện kham ngoài ngõ như vậy.
- Chú nói tên cho tôi biết là đủ rồi.

(Còn nữa)

Savon **VIỆT-NAM**
DANH TRƯNG KHÁP ĐÔNG-PHÁP

TA CÓ THỂ LÀM GÌ?

(Tiếp theo trang 2) —

cái không có và không thích hay không biết dùng cái sẵn có. Người ta ưa chạy đuổi theo ảo-ảnh thay vì lợi dụng hiện tại. Chúng ta hãy đi ngược lại: đừng chán-nản vì cái chưa thể được mà bỏ qua cái có thể làm. Trong ba điều-kiện cần thiết cho một đời sống giá-trị, cái mà ta vẫn có ít nhiều là sự thông-thả: ta nên khéo lợi-dụng nó; và cái mà ta dễ dàng tạo lấy, không ai ngăn cản được, là sự thanh-cao. Muốn được thanh-cao thì trước phải khôn ngoan. Muốn được khôn ngoan thì trước phải học hỏi. Trong nước ta hiện nay, người được học đã nhiều nhưng kẻ dốt còn nhiều hơn. Bởi vậy, công việc mà ta có thể làm hiện giờ là phải lo truyền bá gấp rút sự học-thức trong dân gian, bần nung cao trình độ trí thức của dân ta cho được ngang-hàng với người nước khác.

Người đời khỏi lo rằng chỉ làm một công việc ấy thì không đủ vào đầu và mục đích của ta, ta không đạt được. Như tôi đã viết: « Ba cái đó (đầy đủ, thông-thả, thanh cao) liên lạc một thể với nhau: thiếu đi một cái, cái khác rồi cũng thiếu ». Trái lại, tôi cũng có thể nói: « Thêm vào một cái, cái khác rồi cũng thêm ». Ta không thể đối đãi với người khôn ngoan cũng một cách như với người ngu đốt. Và địa vị người học-thức không thể cứ thấp hèn như của hạng dân đen. Sự đời vẫn là thế.

TRÚC HÀ

(Một chương-trình hành động)

Sté des SUCRERIES & RAFFINERIES

de LINDOCHINE

Sucre cristallisé supérieur

Sucre en morceaux

Sirop pur sucre

Mélasse pour distillerie

BUREAU à SAIGON

11, Place Rigault de Genouilly, 11
Direction générale à HIỆP-HÒA

CHOLON

Maison LIÊN-HOÀ

Máy y-phục phụ-nữ và đồ Short trẻ em, nhiều kiểu rất đẹp, có chemises và áo bà-bà thêu.

Mme TRƯƠNG-CÔNG-MƯỜI
N° 108 110, Lagrandière.
gần chợ mới Saigon
Té. 21.720

ĐÃ CÓ BẠN:

một quyển sách rất có ích mà ai ai cũng nên đọc, dầu là người mạnh, người phải yếu, hay người bị lao **BÌNH-HO LẠO** những phương pháp chữa lao, săn sóc người phải yếu và tiếp dưỡng người bị lao của Bác-sĩ **LÊ-VĂN-NGÓN**

Giá mỗi quyển: 4 p. 00

Tổng phát hành: Bắc-kỳ: Đông-Tây Thư-quán, 195, phố hàng Bông, và nhà in Thụy-kỳ, Hanoi. Trung-kỳ: Librairie Văn-Hóa, 29 Marechal Pétain, Huế. Nam-kỳ: Hiệu sách Nguyễn-khánh-Đám, 12, Sabourain—Saigon

Có 5 bản giấy; 90 bản hạng dành cho bạn yêu đệp. Xin đặt trước nơi ông Nguyễn-khánh-Đám

DO PHONG GI HOẶC DO NỌC PHONG TÌNH

Sash nhứt mỗi: Cau lung, tê bại, sưng, ngứa, ngứa, mề đạ ghẻ ác. Uống TRÚ PHONG GIẢI ĐỘC HUỖN của nhà thuốc « HAY » Cảnh-thơ MẠNH-LIÊN. Uống ít nhượn trường, nhiều thì xỏ. Đản hà sanh con có phong đẹn ghẻ nu'í không đặng, uống dưới phong sau sanh con dưới đặng. Mua ở từ 5 \$ 00 khối chịu tin' gửi.

Không kỳ thại — Giá 0 \$ 60
Bán khắp nơi. Cần mỗi chỗ một Đại lý